

Số: /2025/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định mức chi và thời gian hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 83/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031;

Xét Tờ trình số 313/TTr-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi và thời gian hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 298/BC-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải trình, làm rõ một số nội dung thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp tổng kết nhiệm kỳ 2021 - 2026 (Kỳ họp thứ mười) Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi và thời gian hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định mức chi và thời gian hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.


Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức chi và thời gian hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Đối với khối lượng công việc của các sở, ngành, địa phương đã triển khai thực hiện trước khi Nghị quyết này có hiệu lực: Căn cứ quy định tại Nghị quyết này và chứng từ chi tiêu thực tế, hợp pháp, hợp lệ, các sở, ngành, địa phương thực hiện quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp tổng kết nhiệm kỳ 2021 - 2026 (Kỳ họp thứ mười) thông qua ngày 30 tháng 12 năm 2025./. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Hội đồng bầu cử Quốc gia (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Thái Nguyên;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND. 

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Bình

QUY ĐỊNH

Mức chi và thời gian hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /2025/NQ-HĐND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức chi và thời gian hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quy định chung

1. Kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên do ngân sách nhà nước đảm bảo.

2. Ngoài số kinh phí phục vụ bầu cử được ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ, căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách, các xã, phường thực hiện bổ sung kinh phí từ ngân sách địa phương để phục vụ cho công tác bầu cử tại địa phương theo quy định hiện hành.

3. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được các cơ quan, đơn vị quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả; công khai, minh bạch, không trùng lặp; tăng cường ứng dụng, sử dụng công nghệ thông tin, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để phục vụ công tác bầu cử; sử dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được, huy động các phương tiện đang được trang bị ở các cơ quan, đơn vị để phục vụ cho nhiệm vụ bầu cử, đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

4. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng một mức bồi dưỡng, hỗ trợ cao nhất; danh sách chi bồi dưỡng, hỗ trợ theo quyết định, văn bản thành lập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Mức chi

1. Mức chi cụ thể kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

STT	Nội dung chi tiết	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
1	Chi tổ chức hội nghị			
1.1	Chi tổ chức hội nghị: Hội nghị triển khai công tác bầu cử, hội nghị trực tuyến, hội nghị hiệp thương, hội nghị cử tri, hội nghị tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử; hội nghị tập huấn, hội nghị giao ban, hội nghị tổng kết, khen thưởng: Chi trang trí khánh tiết, âm thanh, nước uống, văn phòng phẩm, chi khác...phục vụ hội nghị		Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên	
1.2	Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác bầu cử		Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Nghị quyết số 39/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.	
2	Chi bồi dưỡng các cuộc họp			
2.1	Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã	Nghìn đồng/ người/buổi		
a	Chủ trì cuộc họp		500	300
b	Thành viên tham dự		200	100
c	Các đối tượng phục vụ		100	50
2.2	Các cuộc họp khác có liên quan đến công tác bầu cử	Nghìn đồng/ người/buổi		
a	Chủ trì cuộc họp		300	180
b	Thành viên tham dự		200	100
c	Các đối tượng phục vụ		100	50

STT	Nội dung chi tiết	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
3	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã, các Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo và Ủy ban bầu cử			
3.1	Chế độ thanh toán công tác phí	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên		
3.2	Chi bồi dưỡng các đoàn công tác (ngoài chế độ công tác phí đã quy định ở trên)			
a	Trưởng đoàn		300	180
b	Thành viên chính thức của đoàn	Nghìn đồng/ người/buổi	200	100
c	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn, bao gồm:			
c1	Phục vụ trực tiếp		150	80
c2	Phục vụ gián tiếp (lái xe, bảo vệ)		100	50
3.3	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát			
a	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử	Nghìn đồng/ báo cáo	4.000	2.000
b	Chi bồi dưỡng tham gia ý kiến của các cá nhân, chuyên gia đối với báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, giám sát	Nghìn đồng/ người/lần	150 (Tổng mức tối đa cấp tỉnh không quá 800.000đ/người/văn bản)	100 (Tổng mức tối đa cấp xã không quá 600.000đ/người/văn bản)
c	Chi chỉnh lý hoàn chỉnh báo cáo	Nghìn đồng/ báo cáo	1.000	600

STT	Nội dung chi tiết	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
4	Chi xây dựng văn bản			
4.1	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội, các văn bản liên quan của Trung ương và Nghị quyết số 46/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định một số nội dung chi, mức khoán chi đối với công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật; kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh Thái Nguyên.		
4.2	Chi xây dựng các văn bản khác có liên quan đến công tác bầu cử có phạm vi toàn tỉnh, ngoài phạm vi điều chỉnh tại điểm 4.1 trên do Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh ban hành (Kế hoạch, Thông tri, văn bản hướng dẫn công tác bầu cử, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử toàn tỉnh)			
a	Xây dựng văn bản tính đến sản phẩm cuối cùng (bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)			
a1	Văn bản có nội dung phức tạp, chi tiết	Nghìn đồng/ văn bản	3.000	
a2	Văn bản khác		1.000	
b	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia	Nghìn đồng/ người/ lần	150 (tổng mức xin ý kiến tối đa không quá 800.000đ/người /văn bản)	

STT	Nội dung chi tiết	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
5	Chi bồi dưỡng người trực tiếp phục vụ đợt bầu cử			
5.1	Chi bồi dưỡng theo mức khoán đối với Ban Chỉ đạo và Ủy ban bầu cử, Tổ giúp việc			
a	Trưởng ban, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử	Nghìn đồng/ người/ tháng	3.000	1.800
b	Thành viên Ban Chỉ đạo, Thành viên Ủy ban bầu cử		2.700	1.650
c	Thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo và Ủy ban bầu cử		2.250	1.350
5.2	Đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại Tổ giúp việc)	Nghìn đồng/ người/ ngày	200	100
5.3	Riêng 02 ngày (trước ngày bầu cử và ngày bầu cử) chi bồi dưỡng tất cả lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử (danh sách hưởng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt)	Nghìn đồng/ người/ ngày	200	200
5.4	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động			
a	Trưởng ban, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử	Nghìn đồng/ người/ tháng	400	240
b	Thành viên Ban Chỉ đạo, Thành viên Ủy ban bầu cử		300	200
c	Các thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo và Ủy ban bầu cử		200	100
5.5	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử			
a	Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân	Nghìn đồng/ người/ ngày	150	150
b	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân		100	100
c	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân.		50	50

STT	Nội dung chi tiết	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
5.6	Hỗ trợ người ứng cử đại biểu thực hiện lấy ý kiến cử tri nơi cư trú và đi tiếp xúc cử tri ở địa bàn được giới thiệu ứng cử nhằm trang trải chi phí như: Trang trí, thuê địa điểm, nước uống, bảo vệ và các khoản chi khác. Trường hợp nhiều người ứng cử cùng một địa bàn mức hỗ trợ tối đa/điểm			
	Chi hỗ trợ người ứng cử đại biểu Quốc hội ở địa phương, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	Nghìn đồng/điểm	Mức chi tối đa 3.000	
	Chi hỗ trợ người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.	Nghìn đồng/điểm		Mức chi tối đa 1.000
6	Chi đóng hòm phiếu: Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa	Nghìn đồng/hòm	Mức chi tối đa 500	Mức chi tối đa 500
7	Chi khắc dấu: Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa	Nghìn đồng/dấu	Mức chi tối đa 400	Mức chi tối đa 400
8	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử: Trường hợp chưa có bảng niêm yết hoặc bảng cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa	Nghìn đồng/bảng	Mức chi tối đa 1.500	Mức chi tối đa 1.500
9	Chi bồi dưỡng cho các thành viên Ban bầu cử, Tổ bầu cử	Nghìn đồng/người/ ngày	100	100

2. Một số nội dung chi khác

a) Chi công tác tuyên truyền, in ấn: Thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu, giao nhiệm vụ.

b) Chi ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử phục vụ công tác bầu cử: Thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; các định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

c) Các nội dung chi phục vụ công tác bầu cử tại địa phương quy định tại Điều 3 Thông tư số 87/2025/TT-BTC không quy định mức chi, nội dung chi tại Nghị quyết này, các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về đấu thầu, giao nhiệm vụ và các quy định pháp luật có liên quan, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Thời gian được hưởng hỗ trợ

1. Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử và thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động: Tính theo thời gian thực tế từ khi có quyết định thành lập có hiệu lực đến khi tổ chức tổng kết công tác bầu cử ở địa phương. Đối với Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, thời gian hưởng chế độ tối đa không quá 05 tháng; Tổ giúp việc tối đa không quá 04 tháng.

2. Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng đối với các lực lượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử, thành viên tham gia các Ban bầu cử, Tổ bầu cử mức hỗ trợ tối đa không quá 05 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)/.